

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~3570~~/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Kế hoạch và Đầu tư được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 5236/TTr-STP ngày 29 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 59 thủ tục hành chính trong các lĩnh vực: Đầu tư tại Việt Nam, Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp và Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Danh mục và Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định công bố thủ tục hành chính trong các lĩnh vực: Đầu tư tại Việt Nam, Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp và Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố công bố trước đây.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- TT/TU; TT/HĐND.TP; TT/UBND.TP;
- UBMTTQVN TP và các thành viên (6);
- VPUB: CPVP; Các phòng NC-TH;
- Sở Tư pháp (P. Kiểm soát TTHC);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- TT Công báo TP; TT Tin học TP;
- Lưu: VT (CCHC/Đ). 65

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Phong



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*Sau đây kèm theo Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở
Kế hoạch và Đầu tư**

Stt	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	
1.	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố.
2.	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.
3.	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội.
4.	Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).
5.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.
6.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.
7.	Thủ tục điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
8.	Thủ tục điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư).
9.	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố.
10.	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.
11.	Thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư.

12.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.
13.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.
14.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
15.	Thủ tục hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
16.	Thủ tục nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
17.	Thủ tục giãn tiến độ đầu tư.
18.	Thủ tục tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư.
19.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.
20.	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.
21.	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.
22.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.
23.	Thủ tục cung cấp thông tin về dự án đầu tư.
24.	Thủ tục bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư.
25.	Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài.

II. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp

1.	Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).
2.	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).

20.	Thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn.
21.	Thủ tục thông báo tạm ngừng kinh doanh.
22.	Thủ tục thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.
23.	Thủ tục giải thể doanh nghiệp.
24.	Thủ tục giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.
25.	Thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.
26.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
27.	Thủ tục hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp.
28.	Thủ tục chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.
29.	Thủ tục chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận, huyện

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	
1.	Thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh.
2.	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.
3.	Thủ tục tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh.
4.	Thủ tục chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.
5.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

3.	Thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).
4.	Thủ tục thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).
5.	Thủ tục công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).
6.	Thủ tục thông báo mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).
7.	Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh.
8.	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.
9.	Thủ tục thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng.
10.	Thủ tục thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần).
11.	Thủ tục thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân.
12.	Thủ tục bán doanh nghiệp tư nhân.
13.	Thủ tục chia doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần).
14.	Thủ tục tách doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần).
15.	Thủ tục hợp nhất doanh nghiệp.
16.	Thủ tục sáp nhập doanh nghiệp.
17.	Thủ tục chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần.
18.	Thủ tục chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
19.	Thủ tục chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.